

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin quản lý  
truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1394/TTr-SKHCN ngày 16 tháng 3 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Trung tâm Mã số, Mã vạch Quốc gia;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Phong**

**QUY CHẾ**  
**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRUY**  
**XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TỈNH AN GIANG**  
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh An Giang (gọi tắt là Hệ thống TXNG tỉnh An Giang).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với:

- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh An Giang.
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.
- Người tiêu dùng thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Truy xuất nguồn gốc là hoạt động theo dõi, giám sát, xác định được một kiểu loại, lô hoặc một đơn vị sản phẩm, hàng hóa theo thời gian và địa điểm qua từng công đoạn của chuỗi cung ứng.
- Hệ thống truy xuất nguồn gốc là hệ thống bao gồm hoạt động định danh kiểu loại, lô hoặc một đơn vị sản phẩm, hàng hóa, thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin về sản phẩm, hàng hóa theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và an toàn của sản phẩm, hàng hóa.
- Mã truy vết sản phẩm là dãy số hoặc số và chữ được dùng để định danh sản phẩm ở các công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình truy xuất nguồn gốc.

4. Mã truy vết địa điểm là dãy số hoặc số và chữ được dùng để định danh địa điểm diễn ra sự kiện ở các công đoạn sản xuất, kinh doanh trong quá trình truy xuất nguồn gốc.

5. Mã truy xuất nguồn gốc là mã số định danh cuối cùng trong từng công đoạn của quá trình truy xuất nguồn gốc (bao gồm dãy số hoặc số và chữ được cấu thành từ mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm, số lô/mẻ hoặc số sê-ri).

6. Mã số là một dãy số hoặc chữ được sử dụng để định danh sản phẩm, dịch vụ, địa điểm, tổ chức, cá nhân.

7. Vật mang dữ liệu truy xuất nguồn gốc là phương tiện hoặc vật thể chứa đựng dữ liệu (tem, nhãn, thẻ và các phương tiện hoặc vật thể phù hợp khác), bảo đảm thiết bị có thể đọc được.

8. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc là các dữ liệu từ các bộ phận và quá trình khác nhau trong phạm vi truy xuất nguồn gốc đã xác định. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc bao gồm dữ liệu về chất lượng, an toàn và các thông tin cơ bản của kiểu loại, lô hoặc một đơn vị sản phẩm, hàng hóa.

9. Nguyên tắc “một bước trước - một bước sau” là nguyên tắc truy xuất nguồn gốc mà tổ chức, cá nhân phải lưu giữ thông tin để bảo đảm khả năng giám sát, nhận diện được công đoạn sản xuất, kinh doanh trước và công đoạn sản xuất, kinh doanh tiếp theo trong quá trình sản xuất, kinh doanh đối với một sản phẩm được truy xuất nguồn gốc.

10. Lô (hoặc mẻ) sản phẩm là tập hợp các đơn vị sản phẩm được sản xuất, chế biến trong cùng một điều kiện, cùng thời gian, cùng dây chuyền hoặc cùng một công đoạn sản xuất, có cùng đặc tính về chủng loại và chất lượng, được nhận diện bằng cùng một mã lô hoặc mã mẻ trong hệ thống truy xuất nguồn gốc.

11. Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia bao gồm hệ thống phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa có khả năng kết nối thông tin với hệ thống truy xuất nguồn gốc của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, các địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các hệ thống quốc tế.

12. Hệ thống TXNG tỉnh An Giang bao gồm hệ thống phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, doanh nghiệp tỉnh An Giang; kết nối thông tin với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia và sẵn sàng kết nối với các hệ thống truy xuất nguồn gốc khác. Địa chỉ truy cập: <https://txng.angiang.gov.vn>.

#### **Điều 4. Vai trò, chức năng của Hệ thống TXNG tỉnh An Giang**

1. Hệ thống TXNG tỉnh An Giang là kênh cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ cơ quan quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; cung cấp thông tin về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang để người tiêu dùng tra cứu; bảo đảm đầy đủ thông tin, quá trình truy xuất nguồn gốc theo quy định; là kênh thông tin chính thống về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh An Giang.

2. Hệ thống TXNG tỉnh An Giang có khả năng tương tác và công khai các thông tin truy xuất của tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật như sau:

a) Quản lý tài khoản người dùng; hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký, khai báo, cập nhật thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

b) Tạo lập, phê duyệt mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân tham gia trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang; đồng thời bảo đảm các thông tin truy xuất nguồn gốc đáp ứng yêu cầu về nội dung truy xuất theo quy định.

c) Sẵn sàng kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu của tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia và các hệ thống truy xuất nguồn gốc các Bộ, ngành khác.

d) Cung cấp công cụ tra cứu, xác thực thông tin nguồn gốc sản phẩm cho người tiêu dùng, cơ quan quản lý và các bên có liên quan.

đ) Phục vụ công tác thống kê, theo dõi, báo cáo, đánh giá tình hình triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

e) Tiếp nhận các bình luận, đánh giá, phản ánh của các tổ chức, cá nhân về thông tin truy xuất sản phẩm, hàng hóa được đăng tải trên hệ thống.

## **Điều 5. An toàn và chuẩn dữ liệu Hệ thống TXNG tỉnh An Giang**

### **1. Yêu cầu về an toàn thông tin**

a) Hệ thống TXNG tỉnh An Giang phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Việc xác định cấp độ an toàn thông tin đối với Hệ thống TXNG tỉnh An Giang tuân thủ theo quy định về triển khai trên hạ tầng có khả năng mở rộng theo nhu cầu sử dụng; đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin cấp độ 2 và các quy định sửa đổi, bổ sung hiện hành nếu có.

c) Mật khẩu các tài khoản trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang phải được thiết lập đủ mạnh, định kỳ thay đổi theo quy định.

### **2. Chuẩn dữ liệu**

Thống nhất sử dụng bộ mã ký tự tiếng Việt Unicode theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 – Công nghệ thông tin – Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit trong việc lưu trữ và trao đổi thông tin, dữ liệu trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

### **3. Bảo mật, lưu trữ và phục hồi dữ liệu hệ thống**

a) Thực hiện quản lý, lưu trữ dữ liệu người dùng theo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Dữ liệu truy xuất nguồn gốc phải được lưu trữ ít nhất theo thời gian tối thiểu quy định bởi ngành, lĩnh vực sản phẩm.

c) Hệ thống thực hiện chế độ sao lưu dữ liệu tự động. Bản sao lưu phải được lưu trữ độc lập với máy chủ vận hành để đảm bảo an toàn dữ liệu.

d) Đảm bảo thời gian phục hồi hệ thống không quá 24 giờ sau khi xảy ra sự cố, đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TỈNH AN GIANG**

#### **Điều 6. Quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống TXNG tỉnh An Giang**

1. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2. Cơ quan quản lý, vận hành, khai thác và đảm bảo kỹ thuật: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

#### **Điều 7. Quản trị tài khoản**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản quản trị Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống TXNG tỉnh An Giang được Sở Khoa học và Công nghệ cấp một tài khoản để đăng nhập và cập nhật dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân đó.

#### **Điều 8. Đăng ký, thay đổi thông tin tài khoản**

1. Đăng ký tài khoản

Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký tài khoản trực tuyến trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khai báo.

2. Thay đổi thông tin tài khoản

Khi có thay đổi thông tin liên quan đến tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống TXNG, phải thực hiện cập nhật trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang. Đồng thời, phải gửi thông tin thay đổi qua hệ thống cho Sở Khoa học và Công nghệ để phê duyệt hoàn tất việc thay đổi thông tin.

**Điều 9. Quản lý thông tin tài khoản**

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khai báo đầy đủ, chính xác thông tin đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp của các thông tin đã cung cấp.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia chịu trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và dữ liệu trên tài khoản.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có quyền tạm khóa hoặc thu hồi tài khoản truy cập Hệ thống TXNG tỉnh An Giang trong trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản không phù hợp với Quy chế này hoặc không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Kinh phí duy trì hoạt động Hệ thống TXNG tỉnh An Giang**

Kinh phí duy trì, vận hành và phát triển Hệ thống TXNG tỉnh An Giang được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Chương III****QUẢN LÝ DỮ LIỆU TRUY XUẤT NGUỒN GỐC****Điều 11. Quy định hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu**

1. Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm các nguyên tắc tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

2. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

3. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc kết nối, chia sẻ với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia theo quy định tại khoản 8 Điều 23 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

**Điều 12. Điều kiện tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống TXNG tỉnh An Giang**

1. Được thành lập, đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và có địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng bắt buộc hoặc khuyến khích thực hiện truy xuất nguồn gốc theo quy định của

pháp luật và yêu cầu quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Có phương tiện kỹ thuật và nhân sự phù hợp để thực hiện việc cập nhật, duy trì, quản lý dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

## **Chương IV**

### **QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

##### **1. Công tác hướng dẫn, tuyên truyền, đào tạo**

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin; hướng dẫn, khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang tham gia và thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thông qua Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

b) Tổ chức tập huấn, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong quá trình đăng ký, sử dụng, cập nhật và khai thác thông tin trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

c) Tổ chức tuyên truyền bằng nhiều kênh, để người tiêu dùng biết và khai thác truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thông qua Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

##### **2. Công tác quản lý, vận hành kỹ thuật**

a) Tổ chức quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và bảo mật cho Hệ thống TXNG tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật.

b) Là đầu mối thực hiện kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống TXNG tỉnh An Giang với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia và các hệ thống truy xuất nguồn gốc chuyên ngành khác theo quy định.

c) Phân công phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ vận hành, duy trì hoạt động thường xuyên của Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

##### **3. Công tác theo dõi, kiểm tra và giám sát dữ liệu**

Thực hiện theo dõi, kiểm tra và giám sát dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa được cập nhật trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang nhằm bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất và phù hợp của dữ liệu theo quy định; kịp thời cảnh báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật thông tin khi phát hiện dữ liệu chưa phù hợp.

##### **4. Công tác tổng hợp, báo cáo**

a) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vận hành, khai thác và kết quả triển khai Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, đầu tư, duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống TXNG tỉnh An Giang phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và quy định của pháp luật.

**Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành tỉnh và UBND xã, phường, đặc khu**

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để phục vụ việc tích hợp, cập nhật và khai thác trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác truy xuất nguồn gốc; phối hợp trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống TXNG tỉnh An Giang với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Vận động, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý tham gia Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

**Điều 15. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống TXNG tỉnh An Giang**

1. Quyền của tổ chức, cá nhân ứng dụng Hệ thống

a) Được cơ quan quản lý nhà nước là đơn vị vận hành hệ thống hướng dẫn đăng ký, cấp tài khoản, mã truy xuất nguồn gốc và sử dụng Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

b) Được hỗ trợ kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu lên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia.

c) Thông tin sản phẩm được công khai minh bạch trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

d) Bảo đảm quyền quản lý, khai thác và sử dụng hợp pháp thông tin truy xuất nguồn gốc và mã truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân ứng dụng Hệ thống

a) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo tính trung thực, tuân thủ các quy định khi tham gia Hệ thống TXNG tỉnh An Giang. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của đơn vị khai báo.

b) Bảo mật tài khoản, mật khẩu và dữ liệu, sử dụng tài khoản đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật. Vật mang dữ liệu (tem, nhãn, thẻ và

các phương tiện hoặc vật thể phù hợp khác) phải đáp ứng tiêu chuẩn, bảo đảm thiết bị có thể đọc được, không bị mờ, hỏng khi dán trên bao bì sản phẩm.

c) Khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất, kinh doanh không bảo đảm an toàn hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, thì thực hiện xác định, thông báo lô sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm an toàn đã khai báo trên hệ thống TXNG tỉnh An Giang, đề thông tin đến người tiêu dùng thông qua mã truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, phải thông báo đến Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi.

d) Tuân thủ Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát và làm rõ các nội dung được phản ánh về hoạt động truy xuất nguồn gốc.

### **Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng**

1. Sử dụng, khai thác tính năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

2. Phản ánh các bất cập về thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của các tổ chức, cá nhân đăng tải trên Hệ thống TXNG tỉnh An Giang.

## **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

4. Quá trình thực hiện Quy chế có phát sinh vấn đề vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.